Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3601.00.00

Mã HS	3601.00.00
Mô tả hàng hóa	Bột nổ đẩy
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 21:17:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/36010000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5176
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5176
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5176
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ACFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ATIGA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AC!E5051
ATIGA	2022	2022	*	AT!E5012
ATIGA	2023	2023	*	AT!F5012
ATIGA	2024	2024	*	AT!G5012
ATIGA	2025	2025	*	AT!H5012
ATIGA	2026	2026	*	AT!I5012
ATIGA	2027	2027	*	AT!J5012
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E5056
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F5056

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G5056
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H5056
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I5056
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J5056
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E5054
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F5054
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G5054
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H5054
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I5054
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J5054
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F5054
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H5018
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F5014
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G5014
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H5014
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I5014
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J5014
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K5014
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5023
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5023
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5023
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5023
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5023
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5023
VCFTA	2022	2022	*	VC!D5061
VCFTA	2023	2023	*	VC!E5061

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	*	VC!F5061
VCFTA	2025	2025	*	VC!G5061
VCFTA	2026	2026	*	VC!H5061
VCFTA	2027	2027	*	VC!I5061
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D5058
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E5058
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F5058
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G5058
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H5058
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I5058
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D5066
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E5066
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F5066
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G5066
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H5066
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I5066
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5037
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5037
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5037
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5037
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5037
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5037
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5039
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5039
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5039
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5039

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5039
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5039
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5037
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5037
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5037
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5037
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5037
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5037
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5037
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5058
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5058
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5058
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5058
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5058
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5058
RCEP B	2022	2022	0	B!D5058
RCEP B	2023	2023	0	B!E5058
RCEP B	2024	2024	0	B!F5058
RCEP B	2025	2025	0	B!G5058
RCEP B	2026	2026	0	B!H5058
RCEP B	2027	2027	0	B!I5058
RCEP C	2022	2022	0	C!D5058
RCEP C	2023	2023	0	C!E5058
RCEP C	2024	2024	0	C!F5058
RCEP C	2025	2025	0	C!G5058
RCEP C	2026	2026	0	C!H5058

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5058
RCEP D	2022	2022	0	D!D5058
RCEP D	2023	2023	0	D!E5058
RCEP D	2024	2024	0	D!F5058
RCEP D	2025	2025	0	D!G5058
RCEP D	2026	2026	0	D!H5058
RCEP D	2027	2027	0	D!I5058
RCEP E	2022	2022	0	E!D5061
RCEP E	2023	2023	0	E!E5061
RCEP E	2024	2024	0	E!F5061
RCEP E	2025	2025	0	E!G5061
RCEP E	2026	2026	0	E!H5061
RCEP E	2027	2027	0	E!I5061
RCEP F	2022	2022	0	F!D5058
RCEP F	2023	2023	0	F!E5058
RCEP F	2024	2024	0	F!F5058
RCEP F	2025	2025	0	F!G5058
RCEP F	2026	2026	0	F!H5058
RCEP F	2027	2027	0	F!I5058
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4661
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4661
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4661
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4661

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Cấm XK, NK thuộc QLCN của BQP (173/2018/TT-BQP)		173/2018/TT-BQP	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3601.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3601.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5176), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Cấm XK, NK thuộc QLCN của BQP (173/2018/TT-BQP)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.